

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		8,5 - 9%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quy mô kinh tế vùng	VNĐ giá hiện hành	2.100 nghìn tỷ		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Cơ cấu kinh tế				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3.1	Dịch vụ	%		37 - 38	
3.2	Công nghiệp	%		45 - 46	
3.3	Nông, lâm, thủy sản	%		12 - 13	
4	GDP bình quân đầu người	VNĐ		140 triệu/người/năm	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Tổng thu ngân sách nhà nước	VNĐ	khoảng 190 nghìn tỷ		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%		20 - 30	Bộ Thông tin và Truyền thông
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	40		Bộ Xây dựng
8	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Chỉ số phát triển con người		>0,75		
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	35 - 40		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Tỷ lệ trẻ mẫu giáo đến trường	%	>95		Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	100		Bộ Giáo dục và Đào tạo
13	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	32		Bộ Y tế
14	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	11		Bộ Y tế
15	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54 - 55		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95 - 100		Bộ Xây dựng
17	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	93 - 95%		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	100		Bộ Tài nguyên và Môi trường
19	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	90		Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn	%	98		Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II
DỰ KIẾN PHÂN KỲ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
I	HẠ TẦNG GIAO THÔNG							
	Xây dựng, nâng cấp các tuyến đường bộ, cao tốc, tuyến quốc lộ, đường sắt kết nối quốc tế, liên vùng và các kết nối liên tỉnh theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt. Trong đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện một số tuyến giao thông sau:			x	x	x	x	
1	Cao tốc Sơn La - Điện Biên*		Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh Sơn La, Điện Biên		x		x	x
2	Cao tốc Bắc Kạn - Cao Bằng*		Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh Bắc Kạn, Cao Bằng		x	x	x	x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
3	Nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (quốc lộ 4, 4A, 4B, 4C, 4D, 4H), vành đai 2 (quốc lộ 279), và vành đai 3 (quốc lộ 37)*		Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh có liên quan	x	x		x	x
4	Nâng cấp quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 2, quốc lộ 3, quốc lộ 32, quốc lộ 70, quốc lộ 6, quốc lộ 12, quốc lộ 12B, quốc lộ 32C, quốc lộ 32B, quốc lộ 2C, quốc lộ 1B, quốc lộ 34, quốc lộ 43, quốc lộ 279B, quốc lộ 32D, quốc lộ 70B, quốc lộ 3C, quốc lộ 17, quốc lộ 37C*		Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh có liên quan	x	x		x	x
5	Nâng cấp quốc lộ 3B, quốc lộ 4G, quốc lộ 4E, quốc lộ 6B, quốc lộ 279D, quốc lộ 6C, quốc lộ 2D, quốc lộ 34B, quốc lộ 280, đường nối cột cờ Lũng Cú*		Bộ Giao thông vận tải, UBND các tỉnh có liên quan	x	x		x	x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
6	Cao tốc kết nối Sơn La với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (Cao tốc Sơn La - Yên Bái) (Triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)		UBND các tỉnh có liên quan		X	X	X	
7	Tuyến đường bộ kết nối tiểu vùng Tây Bắc với tiểu vùng Bắc Trung Bộ (tuyến Hòa Bình - Ninh Bình) (Triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)		UBND tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình		X	X	X	
8	Nâng cấp cảng hàng không Điện Biên thành cảng hàng không quốc tế (cấp 4E) (Triển khai khi được điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050)		Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Điện Biên			X	X	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
II	HẠ TẦNG THỦY LỢI¹							
1	Xây dựng mới và nâng cấp các hệ thống thủy lợi và hồ đập theo quy hoạch cấp quốc gia được phê duyệt		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các tỉnh có liên quan	x	x	x	x	
2	Xây mới cụm hồ Căn Co, Phiêng Lú và Chu Va (Lai Châu)	Tỉnh Lai Châu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Lai Châu		x		x	
3	Nâng cấp hệ thống thủy lợi Núi Cốc (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Thái Nguyên		x		x	
4	Xây dựng cụm hồ Khuôn Tát, Đầm Làng và hồ Kẹm bổ sung nguồn nước cho hồ Núi Cốc	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Thái Nguyên			x	x	
5	Nghiên cứu xây dựng trạm bơm Hoàng Vân trên sông Cầu bổ sung nước cho kênh Trôi của hệ thống Thác Hùng	Tỉnh Bắc Giang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Bắc Giang			x	x	

¹ Đối với các cụm hồ có thể đầu tư từng hồ độc lập hoặc cả cụm hồ tùy theo khả năng cân đối nguồn vốn.

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
6	Xây mới cụm hồ Mai Sơn, Sơn La (Bản Hạ, Nà Lốc, Noong Tàu Thái, Noong Tàu Mông, Bản Mòn)	Tỉnh Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Sơn La		x	x	x	
7	Xây mới cụm hồ Thuận Châu, Sơn La (Bản Mạn, Bản Mảy)	Tỉnh Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Sơn La		x		x	
8	Xây mới cụm hồ huyện Lục Ngạn, Bắc Giang (Cái Cạn, Làng Chả, Đồng Công, Đá Húc, Duồng)	Tỉnh Bắc Giang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Bắc Giang		x		x	
9	Xây mới cụm hồ huyện Sơn Động, Bắc Giang (Bàn Thờ, Chùm Dâu, Ba Vành)	Tỉnh Bắc Giang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Bắc Giang		x		x	
10	Xây mới hồ Cò Chia (Mai Châu) bổ sung nguồn nước cho công trình thủy lợi Chờ Lồng (tỉnh Sơn La)	Tỉnh Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Sơn La		x		x	
11	Xây mới hồ Nậm Xả, Nậm Là, Chiều Tính, Nậm Seo, đập Nậm Pồ (tỉnh Điện Biên)	Tỉnh Điện Biên	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Điện Biên		x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
12	Xây mới hồ Thục Luyện (tỉnh Phú Thọ)	Tỉnh Phú Thọ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Phú Thọ		x	x	x	
13	Xây mới hồ Cao Ngõi (Tuyên Quang)	Tỉnh Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Tuyên Quang		x		x	
14	Xây mới cụm công trình Hà Giang (Hồ Thôn Kem, Nà Ôm, Ngòi Hốc; đập Tân Trinh, Thôn Thượng)	Tỉnh Hà Giang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh Hà Giang		x		x	
III	HẠ TẦNG KINH TẾ							
1	Xây dựng, nâng cấp hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh có liên quan		x	x	x	
2	Thí điểm xây dựng mô hình khu cửa khẩu thông minh tại một số cửa khẩu quốc tế lớn		Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh có liên quan		x		x	
3	Xây dựng, phát triển một số trung tâm logistics cấp vùng tại các khu kinh tế cửa khẩu		Bộ Công Thương, UBND các tỉnh có liên quan		x	x		x

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
4	Xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung ứng giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao cấp vùng trong lĩnh vực nông nghiệp		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh có liên quan		x	x		x
IV	Y TẾ, GIÁO DỤC, VĂN HÓA, THỂ THAO							
1	Kiên cố hóa trường, lớp học tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Các tỉnh	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh có liên quan		x		x	
2	Phát triển Đại học Thái Nguyên thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm vùng	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Thái Nguyên		x		x	
3	Phát triển Trường Đại học Tây Bắc thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của vùng	Tỉnh Sơn La	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Sơn La			x	x	
4	Phát triển Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của tiêu vùng Đông Bắc.*	Tỉnh Bắc Giang	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Bắc Giang			x	x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
5	Phát triển Trường Đại học Hùng Vương thành cơ sở giáo dục đại học trọng điểm của tiểu vùng Trung tâm.*	Tỉnh Phú Thọ	Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Phú Thọ			x	x	
6	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm vùng tại Yên Bái	Tỉnh Yên Bái	Bộ Y tế, UBND tỉnh Yên Bái		x		x	
7	Trùng tu, bảo tồn các di tích lịch sử cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt	Các tỉnh có liên quan	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các tỉnh có liên quan		x		x	
8	Nâng cấp, cải tạo Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái Nguyên		x		x	
9	Nâng cấp, cải tạo Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái Nguyên		x		x	
10	Xây dựng trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại Sa Pa (Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Lào Cai		x		x	
11	Phát triển trung tâm thể dục thể thao vùng tại Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thái Nguyên		x			

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
12	Phát triển các khu du lịch quốc gia		Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các tỉnh có liên quan		x	x		
V	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO							
1	Thành lập trung tâm đổi mới sáng tạo vùng		Bộ Khoa học và Công nghệ		x	x	x	
2	Phát triển Thái Nguyên thành trung tâm chuyển đổi số của vùng	Tỉnh Thái Nguyên	Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh Thái Nguyên		x	x	x	
VI	MÔI TRƯỜNG							
1	Thành lập Vườn quốc gia Bát Xát trên cơ sở nâng hạng từ Khu bảo tồn thiên nhiên Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Lào Cai		x		x	
2	Thành lập mới khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mũi hếch Cao Tả Tùng, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang	Tỉnh Hà Giang	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Hà Giang		x		x	
3	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Cột cờ Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	Tỉnh Hà Giang	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Hà Giang		x		x	

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan thực hiện	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
4	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Thác Tiên - Đèo Gió, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Tỉnh Hà Giang	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Hà Giang		x		x	
5	Thành lập mới khu bảo vệ cảnh quan Hồ Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Bắc Giang		x		x	
6	Thành lập mới hành lang đa dạng sinh học Na Hang - Ba Bể (Tuyên Quang - Bắc Kạn)	Tỉnh Bắc Kạn	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn		x		x	
7	Thành lập mới hành lang đa dạng sinh học Nam Xuân Lạc - Na Hang (Tuyên Quang - Bắc Kạn)	Tuyên Quang - Bắc Kạn	Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Tuyên Quang, UBND tỉnh Bắc Kạn		x		x	
8	Mở rộng khu xử lý chất thải Sông Công (Thái Nguyên)	Tỉnh Thái Nguyên	UBND tỉnh Thái Nguyên, Bộ Tài nguyên và Môi trường		x			x

Phụ lục III
XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO VÙNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Đề án nghiên cứu phát triển Thái Nguyên thành trung tâm chuyển đổi số của vùng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ ngành có liên quan và các địa phương trong vùng	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ
2	Xây dựng cơ chế, chính sách hiệu quả trong quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên, nhất là tài nguyên nước, khoáng sản, tài nguyên rừng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ
3	Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm đẩy mạnh liên kết trong ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng 9 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan ban hành	Số Quyết định ban hành	Ngày ban hành
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	1064/QĐ-TTg	08/7/2013
2	Quy hoạch phát triển công nghiệp vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	1092/QĐ-BCT	05/4/2012
3	Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	9527/QĐ-BCT	16/12/2013
4	Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	8217/QĐ-BCT	28/12/2012
5	Quy hoạch phát triển điện lực vùng trung du miền núi Bắc Bộ giai đoạn 2011 - 2020, có xét đến năm 2025	Bộ trưởng Bộ Công Thương	6798/QĐ-BCT	23/12/2011
6	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020	Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	91/2008/QĐ-BVHTTDL	30/12/2008